

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn VEXILLA Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2005.

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101612880, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 29/07/2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: F03, Tòa nhà The Manor 2, số 91 Nguyễn Hữu Cảnh, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM, Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Michael Marc Lee	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thuyên	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Callum Fraser	Thành viên HĐQT độc lập
Trương Diệu Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2022)
Bà Nguyễn Sương Đào	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 29/6/2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chiến	Tổng Giám đốc - Đại diện theo pháp luật
----------------------	---

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 29, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Chiến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Số: 025/2023/BCKT-HT.00141

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 22/3/2022.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Thành phố Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

PHẠM QUANG KHẢI

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4018-2022-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.304.480.731	176.543.914.164
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.804.681.075	432.063.604
Tiền	111		2.804.681.075	432.063.604
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.220.472.177	175.277.153.069
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.684.805.750	101.917.349.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	47.500.000	21.528.355.857
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	22.000.000.000	32.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	38.488.166.427	19.831.448.212
IV. Hàng tồn kho	140		-	642.896.510
Hàng tồn kho	141		-	642.896.510
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		279.327.479	191.800.981
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7a	4.940.294	1.810.579
Thuế GTGT được khấu trừ	152		274.387.185	189.990.402
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158.894.807.577	97.937.389.879
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.555.836.364	1.065.276.499
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	25.555.836.364	1.065.276.499
II. Tài sản cố định	220		164.037.274	-
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	164.037.274	-
- Nguyên giá	222		182.263.636	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.226.362)	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	133.126.316.609	96.550.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		14.899.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		118.250.000.000	96.550.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.683.391)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		48.617.330	322.113.380
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7b	48.617.330	322.113.380
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		225.199.288.308	274.481.304.043

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.609.128.659	52.850.849.799
I. Nợ ngắn hạn	310		2.609.128.659	52.850.849.799
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	2.074.110.791	52.526.342.664
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	246.316.295	209.088.469
Phải trả người lao động	314		71.209.325	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.073.582	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	198.143.090	98.143.090
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.275.576	17.275.576
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		222.590.159.649	221.630.454.244
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	222.590.159.649	221.630.454.244
Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		87.934.868	87.934.868
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		136.465.222	136.465.222
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.365.759.559	11.406.054.154
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.406.054.154	10.595.752.298
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		959.705.405	810.301.856
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		225.199.288.308	274.481.304.043

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	104.802.122.950	180.449.815.700
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		104.802.122.950	180.449.815.700
Giá vốn hàng bán	11	6.2	103.889.893.811	179.306.491.000
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		912.229.139	1.143.324.700
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.503.283.976	1.872.417.240
Chi phí tài chính	22		22.683.391	5.753.425
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	2.191.853.851	1.949.739.009
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.200.975.873	1.060.249.506
Thu nhập khác	31		1.968.001	1.008.000
Chi phí khác	32	6.5	3.026.360	43.253.198
Lợi nhuận khác	40		(1.058.359)	(42.245.198)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.199.917.514	1.018.004.308
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	240.212.109	207.702.452
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		959.705.405	810.301.856

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.199.917.514	1.018.004.308
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.226.362	-
Các khoản dự phòng	03		22.683.391	-
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.503.283.976)	(1.872.417.240)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.262.456.709)	(854.412.932)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.988.854.381	(54.940.416.402)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		642.896.510	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(50.274.230.798)	39.341.232.357
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		270.366.335	363.642.733
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
Tiền lãi vay đã trả	14			
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(207.702.451)	(26.940.120)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(33.842.272.732)	(16.116.894.364)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(182.263.636)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(96.700.000.000)	(32.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		106.700.000.000	10.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(36.599.000.000)	(18.400.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		61.601.100.000	54.248.900.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.395.053.839	622.417.240
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		36.214.890.203	14.471.317.240

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.372.617.471	(1.645.577.124)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		432.063.604	2.077.640.728
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	2.804.681.075	432.063.604

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn VEXILLA Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2005.

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101612880, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 29/07/2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh thương mại, đầu tư.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Những hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn nông, lâm, thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc của Công ty

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: F03, Tòa nhà The Manor 2, số 91 Nguyễn Hữu Cảnh, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc:

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Tình trạng hoạt động
1	CN Công ty CP Solavina tại Đắk Lắk	Số 185 Giải Phóng - Thị trấn Phước An - Huyện Krông Pắc - Đắk Lắk.	Đang làm thủ tục đóng cửa Chi nhánh
2	CN Công ty CP Solavina tại Kon Tum	Thôn Măng Đen - Xã Đắk Long - Huyện Kon Plông - Kon Tum.	Đã ngừng hoạt động, đóng mã số thuế
3	CN Công ty CP Solavina tại Đắk Nông	Tổ 5 - Phường Nghĩa Đức - Thành phố Gia Nghĩa - Đắk Nông.	Đang tạm ngừng kinh doanh
4	CN Công ty CP Tập đoàn Vexilla Việt Nam	Tầng 15 tòa nhà Viwaseen, số 48 đường Tố Hữu - Phường Trung Văn - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.	Đang hoạt động

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 06 người (tại ngày 01/01/2022 là: 07 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chi tiết Công ty con tại ngày 31/12/2022, bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty CP Thương mại M&S	Tầng 15, toà nhà Viwaseen, 48 Tố Hữu, phường Trung Vãn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	99,93%	99,93%	Bán buôn than mỏ các loại

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

Các chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Máy móc thiết bị 05 - 10 năm

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.12 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của kỳ báo cáo.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

4.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.238.572.544	424.823.599
Tiền gửi ngân hàng	1.566.108.531	7.240.005
Cộng	<u>2.804.681.075</u>	<u>432.063.604</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.2. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào Công ty con	14.899.000.000	-	(*)	-
+ Công ty CP Thương mại M&S	14.899.000.000	-	(*)	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	118.250.000.000	(22.683.391)	(*)	96.550.000.000
- Công ty CP Cyan	75.000.000.000	(20.888.560)	(*)	75.000.000.000
+ Công ty CP Veridian	21.550.000.000	(1.794.831)	(*)	21.550.000.000
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5	21.700.000.000	-	(*)	-
Cộng	133.149.000.000	(22.683.391)		96.550.000.000

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

- Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1.5.

- Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư khác của Công ty:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	% biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty CP Cyan	Đường Thanh Niên, Khố Hà My Đông B, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	15,00%	15,00%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty CP Veridian	Đường Thanh Niên, Thôn Hà Quảng Đông, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	15,25%	15,25%	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
3	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5	Tầng 15, toà nhà Viwaseen, 48 Tô Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	5,24%	5,24%	Kinh doanh bất động sản

- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và Công ty con (xem tại thuyết minh số 8.2).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
+ Ông Phạm Việt Cường	-	12.100.000
+ Ông Lê Hải Châu	-	61.589.000.000
+ Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Tùng Lâm	-	38.274.149.500
+ Công ty CP phát triển và thương mại Á Châu	2.042.099.500	2.042.099.500
+ Phải thu các khách hàng khác	642.706.250	-
Cộng	<u>2.684.805.750</u>	<u>101.917.349.000</u>

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
+ Công ty TNHH TMDV HT Thăng Long	-	21.480.215.657
+ Trả trước cho nhà cung cấp khác	47.500.000	48.140.200
Cộng	<u>47.500.000</u>	<u>21.528.355.857</u>

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
+ Phải thu về cho cá nhân vay ngắn hạn (*)	22.000.000.000	32.000.000.000
+ Phải thu về cho tổ chức vay ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>22.000.000.000</u>	<u>32.000.000.000</u>

(*) Theo Hợp đồng cho vay số 01.2022/HĐVT ngày 20/05/2022 và Phụ lục số 01 ký ngày 20/08/2022, tổng thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 6%/năm, tài sản đảm bảo là 10 căn liền kề thuộc khu đô thị Nam 32, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Hợp đồng mua bán Bất động sản giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 và ông Hạ Quyết Chiến.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6. Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	38.488.166.427	-	19.831.448.212	-
+ Tạm ứng	15.019.227.943	-	1.180.180.000	-
+ Lãi cho vay phải thu	1.730.504.109	-	622.273.972	-
+ Bà Hoàng Thị Ánh Xuân	-	-	18.000.000.000	-
+ Ông Nguyễn Hồng Quang (i)	1.009.440.135	-	-	-
+ Bà Lương Thị Thu Dung (ii)	10.000.000.000	-	-	-
+ Đặt cọc dự án Cổ Đông (iii)	10.700.000.000	-	-	-
+ Phải thu khác	28.994.240	-	28.994.240	-
Dài hạn	25.555.836.364	-	1.065.276.499	-
+ Ký quỹ, ký cược	55.836.364	-	55.836.364	-
+ Ông Nguyễn Hồng Quang (i)	-	-	1.009.440.135	-
+ Ông Phùng Thế Tô (iv)	15.500.000.000	-	-	-
+ Công ty CP Foveris (v)	10.000.000.000	-	-	-
Cộng	64.044.002.791	-	20.896.724.711	-

- (i) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 11.10/2019/BB-HĐQT ngày 11/10/2019, Hội đồng Quản trị thống nhất về việc xử lý nợ cũ, giao ông Nguyễn Hồng Quang - Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty (đã miễn nhiệm 04/09/2019) trực tiếp phụ trách và tiếp tục xử lý các khoản công nợ, nghĩa vụ về thuế của Công ty còn tồn tại từ thời điểm 11/10/2019 trở về trước. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/12/2021 giữa ông Nguyễn Hồng Quang và Công ty, ông Nguyễn Hồng Quang cam kết thanh toán hết các khoản công nợ nói trên cho Công ty vào ngày 31/12/2023.
- (ii) Phải thu bà Lương Thị Thu Dung theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng vốn số 01/2022/ĐCCNV ngày 07/10/2022. Theo đó, Công ty sẽ đặt cọc cho bà Lương Thị Thu Dung để nhận chuyển nhượng lại 45% vốn tại Công ty TNHH Levictoire mà bà Lương Thị Thu Dung nắm giữ.
- (iii) Đặt cọc theo Biên bản thỏa thuận ký ngày 10/12/2022 giữa Công ty CP Tập đoàn Vexilla Việt Nam (Công ty) và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 (Lũng Lô 5). Lũng Lô 5 là chủ đầu tư của dự án Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội và mong muốn chuyển nhượng. Công ty mong muốn nhận chuyển nhượng dự án này nên thực hiện đặt cọc cho Lũng Lô 5 với giá trị là 10,7 tỷ VND để chứng minh năng lực tài chính và thực hiện nghiên cứu, tiếp cận hồ sơ dự án cũng như có thời gian đánh giá chung về thị trường bất động sản nhà vườn sinh thái.
- (iv) Phải thu ông Phùng Thế Tô theo Hợp đồng hợp tác số 0112/HĐHT ngày 01/12/2022 giữa Công ty và ông Phùng Thế Tô. Theo Hợp đồng, Công ty sẽ góp vốn là 15,5 tỷ VND để phục vụ các công tác nghiên cứu, xúc tiến đến hoàn thiện các thủ tục pháp lý của 8,7 hecta diện tích Dự án trồng cây nông dược liệu và nuôi trồng thủy sản tại thôn Hùng Tâm, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Năm 2023, Công ty được hưởng 10% lợi nhuận trên số tiền thực góp. Từ năm 2024, Công ty có quyền lựa chọn phân chia lợi nhuận theo số tiền thực góp hoặc theo tỷ lệ góp vốn tính trên kết quả kinh doanh của Dự án.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- (v) Phải thu Công ty CP Foveris (Foveris) theo Hợp đồng hợp tác số 0812/HĐHT ngày 08/12/2022 giữa Công ty và Công ty CP Foveris. Theo Hợp đồng, Công ty sẽ góp vốn là 10 tỷ VND để phục vụ các công tác nghiên cứu, xúc tiến đến hoàn thiện các thủ tục pháp lý của 6,7 hecta diện tích Dự án trồng cây nông dược liệu và nuôi trồng thủy sản tại thôn Hùng Tâm, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Năm 2023, Công ty được hưởng 10% lợi nhuận trên số tiền thực góp. Từ năm 2024, Công ty có quyền lựa chọn phân chia lợi nhuận theo số tiền thực góp hoặc theo tỷ lệ góp vốn tính trên kết quả kinh doanh của Dự án.

5.7. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
+ Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.234.504	-
+ Chi phí trả trước khác	1.705.790	1.810.579
Cộng	<u>4.940.294</u>	<u>1.810.579</u>
b. Dài hạn		
+ Chi phí thi công sửa chữa văn phòng	-	41.903.022
+ Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	22.445.021	108.084.299
+ Chi phí thiết kế website	26.172.309	171.487.173
+ Chi phí trả trước dài hạn khác	-	638.886
Cộng	<u>48.617.330</u>	<u>322.113.380</u>

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2022	-	-
Mua trong năm	182.263.636	182.263.636
Số dư 31/12/2022	<u>182.263.636</u>	<u>182.263.636</u>
Giá trị đã hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2022	-	-
Khấu hao trong năm	18.226.362	18.226.362
Số dư 31/12/2022	<u>18.226.362</u>	<u>18.226.362</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Tại ngày 31/12/2022	<u>164.037.274</u>	<u>164.037.274</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.9. Phải trả người bán ngắn hạn

a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Tổ hợp tác Nông nghiệp xã Krông Buk	453.900.000	453.900.000	453.900.000	453.900.000
+ Tổ hợp tác Nông nghiệp xã EaYiêng	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000
+ Ông Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000	446.640.000	446.640.000
+ Công ty TNHH Đầu tư TM và dịch vụ Niềm Tin Việt	-	-	12.603.899.157	12.603.899.157
+ Công ty TNHH Dịch vụ và xúc tiến thương mại Quốc Hưng	-	-	37.929.100.000	37.929.100.000
+ Các nhà cung cấp khác	850.570.791	850.570.791	769.803.507	769.803.507
Cộng	2.074.110.791	2.074.110.791	52.526.342.664	52.526.342.664

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã Krông Buk	453.900.000	453.900.000
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã EaYiêng	323.000.000	323.000.000
- Ông Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000
- Các nhà cung cấp khác	353.940.000	282.200.000
Cộng	1.577.480.000	1.505.740.000

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp

	01/01/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	209.088.469	240.212.109	207.702.451	241.598.127
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.277.693	6.559.525	4.718.168
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	209.088.469	254.489.802	217.261.976	246.316.295

5.11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
+ Kinh phí công đoàn	39.710.450	39.710.450
+ Bảo hiểm xã hội	7.247.603	7.247.603
+ Bảo hiểm y tế	858.684	858.684
+ Bảo hiểm thất nghiệp	326.353	326.353
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	50.000.000	50.000.000
+ Ông Trần Xuân Sơn	100.000.000	-
Cộng	198.143.090	98.143.090

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.12. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ Đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NĂM TRƯỚC										
Số dư 01/01/2021	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	10.595.752.298	220.820.152.388					
Lãi trong năm trước	-	-	-	810.301.856	810.301.856					
Số dư 31/12/2021	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	11.406.054.154	221.630.454.244					
NĂM NAY										
Số dư 01/01/2022	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	11.406.054.154	221.630.454.244					
Lãi trong năm nay	-	-	-	959.705.405	959.705.405					
Số dư 31/12/2022	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	12.365.759.559	225.199.288.308					



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b)	Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		
		<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
		VND	VND
	Vốn góp của các cổ đông	210.000.000.000	210.000.000.000
	Cộng	<u>210.000.000.000</u>	<u>210.000.000.000</u>
c)	Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
		<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
		VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	+ Vốn góp đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
	+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
	+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
	+ Vốn góp cuối kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000
	Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d)	Cổ phiếu		
		<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
		VND	VND
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
	+ Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
	+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
	+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
	+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
	+ Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
	+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
(*)	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		
đ)	Cổ tức		
	Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính:		
	+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh		
	+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh		
	Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Doanh thu bán hàng hóa	104.802.122.950	180.449.815.700
Cộng	<u>104.802.122.950</u>	<u>180.449.815.700</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Giá vốn bán hàng hóa	103.889.893.811	179.306.491.000
Cộng	<u>103.889.893.811</u>	<u>179.306.491.000</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.503.283.976	622.417.240
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	1.250.000.000
Cộng	<u>2.503.283.976</u>	<u>1.872.417.240</u>

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Chi phí nhân viên quản lý	842.418.815	607.290.000
Chi phí vật liệu quản lý	41.903.022	348.767.048
Chi phí dụng cụ quản lý	250.314.149	-
Chi phí khấu hao bộ phận quản lý	18.226.362	-
Thuế, phí, lệ phí	4.108.800	25.601.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.019.951.514	941.364.785
Chi phí bằng tiền khác	14.931.189	26.716.020
Cộng	<u>2.191.853.851</u>	<u>1.949.739.009</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.5. Chi phí khác

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Các khoản tiền phạt	3.026.360	543.187
Chi phí khác	-	42.710.011
Cộng	<u>3.026.360</u>	<u>43.253.198</u>

6.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	292.217.171	348.767.048
Chi phí nhân công	842.418.815	607.290.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.226.362	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.019.951.514	941.364.785
Chi phí khác	19.039.989	52.317.176
Cộng	<u>2.191.853.851</u>	<u>1.949.739.009</u>

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.199.917.514	1.018.004.308
Điều chỉnh tăng	1.143.033	20.507.952
Thu nhập tính thuế TNDN	1.201.060.547	1.038.512.260
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>240.212.109</u>	<u>207.702.452</u>

6.8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Thương mại M&S	Công ty con
2	Ông Michael Marc Lee	Thành viên quản lý chủ chốt
3	Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên quản lý chủ chốt
4	Ông Nguyễn Ngọc Thuyên	Thành viên quản lý chủ chốt
5	Ông Callum Fraser	Thành viên quản lý chủ chốt
6	Trương Diệu Hương	Thành viên quản lý chủ chốt
7	Bà Nguyễn Sương Đào	Thành viên quản lý chủ chốt (đến ngày 29/6/2022)
8	Bà Lê Thị Luyến	Thành viên ban kiểm toán nội bộ (đến ngày 28/07/2022)

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Tiền lương, thưởng, phụ cấp, thù lao

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên quản lý chủ chốt	101.564.815	78.630.000
Cộng		101.564.815	78.630.000

c) Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ/Giao dịch	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Công ty CP Thương mại M&S	Công ty con		
Góp vốn		14.899.000.000	-

d) Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan:

Tại ngày 31/12/2022, Công ty không phát sinh công nợ phải thu phải trả với các bên liên quan.

8.1 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin về tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

8.2 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

